

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 1789 /DLA-NVDTPC
V/v tuyên truyền, phổ biến
nghĩa vụ thuế đối với DN kinh doanh
vàng, bạc, đá quý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 05 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, chế tác vàng, bạc,
đá quý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thời gian qua, Thuế tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến nhiều chính sách thuế mới đến người nộp thuế, từ đó góp phần nâng cao ý thức tự giác, tuân thủ và chấp hành việc kê khai thuế của người nộp thuế. Tuy nhiên, qua công tác quản lý thuế cơ quan thuế nhận thấy vẫn còn một số doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý thực hiện kê khai thuế chưa đúng quy định; trong giao dịch mua bán vẫn còn trường hợp cố tình chỉ thanh toán bằng tiền mặt không nhận thanh toán điện tử hoặc thanh toán điện tử không qua tài khoản của doanh nghiệp để che dấu doanh thu, không kê khai thuế nhằm trốn thuế, gian lận thuế gây thất thu ngân sách nhà nước.

Để người nộp thuế tiếp tục nắm bắt kịp thời, chấp hành đúng các quy định bắt buộc về pháp luật thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý; lợi ích được hưởng khi thanh toán không dùng tiền mặt và chế tài xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật về thuế, về hóa đơn. Thuế tỉnh Đắk Lắk tuyên truyền, hướng dẫn đến người nộp thuế các nội dung cụ thể như sau:

1. Phương pháp tính thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý

Doanh nghiệp kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý phải thực hiện kê khai thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, quy định tại Điều 22 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ, cụ thể:

- Số thuế GTGT phải nộp xác định như sau:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{Giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý}}{\text{Thuế suất}}$$

Trong đó:

+ Giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý = giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ (-) giá thanh toán mua vào tương ứng, cụ thể:

(1) Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán vàng, bạc, đá quý, bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng.

(2) Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế giá trị gia tăng dùng cho mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng.

+ Thuế suất thuế GTGT: 10%.

- Người nộp thuế lưu ý trường hợp cơ sở kinh doanh có nhiều hoạt động kinh doanh trong đó có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

- Trường hợp trong kỳ tính thuế phát sinh giá trị gia tăng âm (-) của vàng, bạc, đá quý thì được tính bù trừ vào giá trị gia tăng dương (+) của vàng, bạc, đá quý. Trường hợp không phát sinh giá trị gia tăng dương (+) hoặc giá trị gia tăng dương (+) không đủ bù trừ giá trị gia tăng âm (-) thì được kết chuyển để trừ vào giá trị gia tăng của kỳ sau trong năm. Kết thúc năm dương lịch, giá trị gia tăng âm (-) không được kết chuyển tiếp sang năm sau.

2. Chính sách thuế TNDN được hưởng khi thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 của Quốc hội quy định về các khoản chi được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện:

“1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

...

c) Các khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý kê khai thuế theo phương pháp Doanh thu - Chi phí, khi mua hàng hóa, dịch vụ thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt thì khoản chi này là một trong những điều kiện được trừ khi tính thuế TNDN khi có đầy đủ hóa đơn

chứng từ và có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật (mức giới hạn do Chính phủ quy định).

3. Quy định về hóa đơn điện tử áp dụng đối với hoạt động kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý

- Tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Hộ, cá nhân kinh doanh, tổ hợp tác;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

đ) Tổ chức không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh.”

- Tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 6, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ).

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ

...

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 Điều 9 và bổ sung điểm p, điểm q, điểm r vào khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

“1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

...

8. Sửa đổi tên Điều 11 và sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

Điều 11. Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 51 có mức doanh thu hằng năm từ 01 tỷ đồng trở lên, khoản 2 Điều 90, khoản 3 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trong đó có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến

người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý ngoài việc thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử, phải thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

4. Các hành vi vi phạm về thuế, về hóa đơn và chế tài xử lý các hành vi vi phạm

- Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện bán hàng hóa, chuyển giao chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa nhưng lập hóa đơn sau thời điểm trên là hành vi lập không đúng thời điểm, mức xử phạt như sau:

+ Xử phạt đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, cụ thể: Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng.

+ Xử phạt đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, cụ thể: Phạt tiền từ 4 triệu đồng đến 8 triệu đồng.

- Trường hợp NNT kê khai thuế đối hàng hóa, dịch vụ mua vào nhưng không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định (thuế TNDN: mức giới hạn do Chính phủ quy định) thì xử phạt như sau:

+ Xử phạt đối với hành vi khai hồ sơ thuế nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp quy định tại Điều 13 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 8 triệu đồng.

+ Xử phạt đối với hành vi kê khai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Phạt tiền 20% trên số tiền thuế khai thiếu, đồng thời người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp tương ứng theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Trường hợp cố tình thanh toán bằng tiền mặt, không nhận thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc thanh toán điện tử không qua tài khoản của doanh

ng nghiệp để cố tình che giấu doanh thu, không kê khai thuế, không lập hóa đơn để nhằm mục đích trốn thuế. Mức xử phạt như sau:

+ Xử phạt đối với hành vi trốn thuế quy định tại Điều 17 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt từ 01 lần đến 03 lần trên số tiền thuế trốn, NNT còn phải nộp đủ số tiền thuế đã trốn vào NSNN.

+ Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không lập hóa đơn theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, cụ thể: Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với tổ chức, doanh nghiệp.

- Trường hợp hành vi trốn thuế có tính chất nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu phạm tội, người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật về hình sự.

Trên đây là nội dung tuyên truyền, phổ biến chính sách về thuế, các chế tài xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật về thuế, về hóa đơn đối với doanh nghiệp kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý. Thuế tỉnh Đắk Lắk gửi Công văn này đến các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh vàng, bạc, đá quý trên địa bàn để các đơn vị nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Báo và PTHT Đắk Lắk (để p/h đưa tin);
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Văn phòng, các Phòng thuộc Thuế tỉnh;
- Các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh;
- Website, Zalo Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, NVDTPC (02b)

TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Nguyễn Anh Tuấn